

Số: 207/2024/QĐST-HNGĐ

V, ngày 25 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 645/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Lê Thị Thu S, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Nguyễn Quan S1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành hòa giải để chị Lê Thị Thu S và anh N Quan Sang đoàn tụ nhưng chị S và anh S1 không đồng ý đoàn tụ mà tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu S và anh N Quan Sang chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 162/2007, quyển số 01/2007 ngày 10/11/2007. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, chị S và anh S1 không đoàn tụ về chung sống với nhau và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; sự tự nguyện của anh, chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] Về con chung: Chị S và anh ang có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/7/2008 và cháu Nguyễn Sang P, sinh ngày 26/02/2017. Chị S và anh S1 thống nhất giao cả 02 con chung cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng, cả 02 con chung mỗi tháng là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc thỏa thuận nuôi con chung của chị S và anh S1 là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

Anh S1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S1 không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung: Chị S và anh S1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị S và anh S1 đều khai không có, không có ai khác yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị S, anh S1 phải nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu S và anh Nguyễn Quan S1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/7/2008 và cháu Nguyễn Sang P, sinh ngày 26/02/2017 cho chị Lê Thị Thu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Quan S1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng, cả 02 con chung mỗi tháng là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh S1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S1 không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, cũng không có ai khác yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Thu S và anh Nguyễn Quan S1 mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu số 0010398 ngày 12/12/2024 và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu số 0010399 ngày 12/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị S, anh S1 đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quỳnh